TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** TỈNH LONG AN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 20 - 12 - 2023
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ - TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đình Ngân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hà Giang

2. Ông Nguyễn Thành Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

Ngày 20 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 195/2023/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 10 năm 2023 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 45/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1975; Địa chỉ: Ấp 3, xã MTB, huyện Đ, tỉnh Long An (Có đơn đề nghị vắng mặt).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1973; Địa chỉ: Ấp 3, xã MTB, huyện Đ, tỉnh Long An (Vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Đỗ Thị H yêu cầu khởi kiện: Bà Huệ và ông Nguyễn Văn M, cưới nhau năm 1992 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTB, huyện Đ, tỉnh Long An năm 2001. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do ông M thay đổi tính tình, không lo làm ăn, suốt ngày ăn nhậu và thường hay ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẻ thiếu tế nhị để xúc phạm, đánh đập bà H. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình và vì tương lai của các con nên bà Huệ đã chịu đựng trong thời gian dài, nhưng ông M vẫn không thay đổi cách sống mà đối xử với bà H ngày một tệ bạc hơn. Đến nay bà H cảm thấy mệt mỏi không thể chịu đựng thêm

được nữa. Trong quá trình phát sinh mâu thuẫn, bà H đã cho ông M nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả.

Nay bà H thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, bà H không còn tình cảm với ông M nên yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

- Về con chung: Bà H và ông M có 02 con chung tên Nguyễn Văn M1, sinh ngày 25/5/1994; giới tính: Nam và Nguyễn Văn ME, sinh ngày 06/7/1998; giới tính: Nam. Các con chung của bà H và ông M đã thành niên, nên bà Huệ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H xác định có tài sản chung nhưng bà và ông M tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của bị đơn ông Nguyễn Văn M đối với yêu cầu khởi của bà H: Ông M thống nhất với bà H về thời gian chung sống, kết hôn; con chung; tài sản chung và nợ chung. Đối với nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhỏ không đáng để ly hôn. Ông M thừa nhận có việc nhậu và đánh bà H nhưng vì bà H thường hay đi ca hát với nhau, bỏ nhà đi đâu không rỏ khoảng 02 đến 03 ngày không về nhà nên ông M ghen.

Nay bà H yêu cầu ly hôn với ông M, ông có ý kiến như sau:

- Về hôn nhân: Bà H yêu cầu ly hôn, ông M không đồng ý. Nếu Toà án có căn cứ để giải quyết cho ly hôn.

- Về con chung: Ông M và bà H có 02 con chung tên Nguyễn Văn M1, sinh ngày 25/5/1994; giới tính: Nam và Nguyễn Văn ME, sinh ngày 06/7/1998; giới tính: Nam. Các con chung của ông M đã thành niên, nên ông M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Ông M xác định có tài sản chung nhưng ông M và bà H tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Ông M cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Các tài liệu, chứng cứ của vụ án:

- Chứng cứ do bà H cung cấp: Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn M (bản chính); giấy khai sinh của Nguyễn Văn M1 và Nguyễn Văn ME (bản sao).

- Chứng cứ do ông Nguyễn Văn M cung cấp: Bản tự khai ngày 25/10/2023.

- Chứng cứ do Tòa án thu thập: Không có.

Các tình tiết của vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn M chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTB, huyện Đ, tỉnh Long An theo quy định của pháp luật.

- Về con chung: Bà Huệ và ông Minh có con chung 02 con chung tên Nguyễn Văn Mẫn, sinh ngày 25/5/1994; giới tính: Nam và Nguyễn Văn Mẫn Em, sinh ngày 06/7/1998; giới tính: Nam. Các con chung của bà Huệ và ông Minh đã thành niên, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Bà H và ông M xác định có tài sản chung nhưng tự thoả thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Bà H và ông M cam kết không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến bà H yêu cầu ly hôn ông M: Do vợ chồng không tin tưởng nhau ông M thường hay ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẻ thiếu tế nhị để xúc phạm, bạo hành gia đình đối với vợ con. Trong quá trình phát sinh mâu thuẫn, bà H đã cho ông M nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả.

- Bà H yêu cầu ly hôn, ông M không đồng ý.

- Toà án tiến hành hoà giải đoàn tụ cho các bên nhưng không thành.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn M chung sống có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã MTB, huyện Đ, tỉnh Long An, nên hôn

nhân là hợp pháp theo quy định tại khoản 5 Điều 3, Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông M đang cư trú tại huyện Đ, tỉnh Long An, bà H khởi kiện yêu cầu ly hôn ông M, thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đối với bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn M: Do bà Huệ có đơn đề nghi vắng mặt; ông Nguyễn Văn M vắng mặt không có lý do đã được triệu tập hợp lệ, nên Tòa án áp dụng khoản 1, 2 Điều 227; khoản1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với bà H và ông M.

[4] Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị H:

[4.1] Xét nguyên nhân mâu thuẫn dẫn đến ly hôn và khả năng đoàn tụ:

Nguyên nhân dẫn đến vợ chồng bà H và ông M sống không hạnh phúc và ly hôn theo bà H là do ông M thay đổi tính tình, không lo làm ăn, suốt ngày ăn nhậu và thường hay ghen tuông vô cớ, dùng những lời lẻ thiếu tế nhị để xúc phạm, đánh đập bà H. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình và vì tương lai của các con nên bà H đã chịu đựng trong thời gian dài, nhưng ông M vẫn không thay đổi cách sống mà đối xử với bà H ngày một tệ bạc hơn. Trong quá trình phát sinh mâu thuẫn, bà H đã cho ông M nhiều cơ hội để hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả.

Ông M cho rằng đối với nguyên nhân mâu thuẫn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn nhỏ không đáng để ly hôn. Ông M thừa nhận có việc nhậu và đánh bà H nhưng vì bà H thường hay đi ca hát với nhau, bỏ nhà đi đâu không rỏ khoảng 02 đến 03 ngày không về nhà nên ông M ghen.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hoà giải, động viên bà H rút đơn để đoàn tụ, nhưng bà H cho rằng tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn. Qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời trình bày của bà H và ông M trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử thấy rằng, mâu thuẫn giữa bà H và ông M là do vợ chồng không tin tưởng nhau nên ông M ghen tuông và có những lời lẽ thiếu tế nhị xúc phạm bà H, từ đó giữa bà H và ông M xảy ra xô xát bạo hành lẫn nhau.

Ông M thừa nhận có việc vợ chồng không tin tưởng nhau, ông có ghen và có đánh bà H như bà H trình bày. Như vậy, lời trình bày của bà H về tình trạng mâu thuẫn giữa bà với ông M là đúng và không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn, ông M không đồng ý nhưng cũng không có biện pháp để hàn gắn, đoàn tụ tình cảm vợ chồng. Tòa án đã triệu tập ông M đến phiên toà để xét xử và xem xét đối với yêu cầu được đoàn tụ của ông nhưng ông M vắng mặt không tham gia tố tụng, điều này cho thấy ông M bỏ mặc không quan tâm đến hạnh phúc giữa ông và bà Huệ cũng không có thiện chí hàn gắn hạnh phúc gia đình. Do đó, khả năng để bà H và ông M đoàn tụ là không còn.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định hôn nhân giữa bà H với ông M lâm vào tình trạng trầm trọng, không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

[4.2] Căn cứ để giải quyết cho ly hôn: Do mâu thuẫn hôn nhân của vợ chồng bà H và ông M lâm vào tình trạng trầm trọng, bà H và ông M đã nhiều lần hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không thể hàn gắn được, nên bà H kiên quyết yêu cầu ly hôn. Thấy rằng đời sống chung của bà H và ông M không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở để giải quyết cho ly hôn phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[4.3] Về con chung: Quá trình chung sống giữa bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn M có 02 con chung tên Nguyễn Văn M1, sinh ngày 25/5/1994; giới tính: Nam và Nguyễn Văn ME, sinh ngày 06/7/1998; giới tính: Nam. Các con chung của bà H và ông M đã thành niên, không bị mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình nên bà H không yêu cầu giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.4] Về chia tài sản chung: Bà H và ông M xác định có tài sản chung nhưng thống nhất tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[4.5] Về nợ chung: Bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn M cam kết không có, do đó Tòa án không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Theo quy định của Luật phí, lệ phí và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Huệ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách nhà nước.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 150, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố Tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 51, 56 và 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 20 Luật phí, lệ phí; điểm a khoản 5, điểm đ khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Đỗ Thị H đối với ông Nguyễn Văn M.

1. Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị H được ly hôn với ông Nguyễn Văn M.

2. Về con chung: Không xem xét giải quyết.

3. Về chia tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Buộc bà Đỗ Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước. Chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí sơ thẩm mà bà H đã nộp theo biên lai thu số 0002257 ngày 12/10/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Đức H sang án phí để thi hành (bà Huệ đã nộp đủ án phí).

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm công khai, bà Đỗ Thị H và ông Nguyễn Văn M có quyền kháng cáo toàn bộ bản án. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo toàn bộ bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản

án được giao hoặc niêm yết để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Long An giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

6. Công tác thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đã ký

Phan Đình Ngân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Đức Huệ;
- Chi cục THADS huyện Đức Huệ;
- UBND xã MTB, huyện Đ, tỉnh Long An (để cập nhật sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.